TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97 /2024/HS-ST
Ngày: 06-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Long
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Khắc Chương
2. Ông Nguyễn Huy Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Non - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 06 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 53/2024/HSST ngày 03 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Dương Văn N**, sinh ngày 25/10/1994, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Con ông: Dương Văn L, sinh năm 1969, con bà Lê Thị H, sinh năm 1974, hiện cả hai ở ấp L, xã L, Huyện H, Đồng Tháp. Anh, chị, em ruột: có 01 người, sinh năm 2008, bị cáo là con cả trong gia đình. Vợ: Đỗ Thị C, sinh năm 1989, hiện ở xã T, huyện L, Lâm Đồng; Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/10/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ C an huyện Đ.(có mặt)

* Bị hại:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963.
Trú tại: Số 16 T, Thị trấn L, Đ, Lâm Đồng.
- Ông Đoàn Tuấn T, sinh năm 1991.
Trú tại: Hẻm 269, H, Thị trấn L, Đ, Lâm Đồng.
- Bà Lô Kim P, sinh năm 1982.
Trú tại: số 27 L, Thị trấn L, Đ, Lâm Đồng.
- Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1991.

Trú tại: Hẻm 966, QL, Thị trấn L, huyện Đ, Lâm Đồng.

-Ông Ngô Quang L, sinh năm 1984.

Trú tại: số 2, H, Thị trấn L, Đ, Lâm Đồng.

- Anh Đậu Bá T, sinh năm 2005.

Trú tại: tổ 21, Thị trấn L, huyện Đ, Lâm Đồng.

- Ông Tạ Minh T, sinh năm 1990.

Trú tại: Số 11, T, Thị trấn L, Đ, Lâm Đồng.

-Ông Cao Văn Đ, sinh năm 1972.

Trú tại: số 12, L, Thị trấn L, Đ, Lâm Đồng.

- Anh M, sinh năm 2003.

Trú tại: Đ, Bình Thuận.

- Ông Đinh Văn T, sình năm 1997.

Trú tại: số 50 H, tổ 10, Thị trấn L, Đ, Lâm Đồng.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

-Ông Lục Văn D, sinh năm 1997.

Trú tại: B, T, H, Lâm Đồng.

-Ông Lý Văn H, sinh năm 1983.

Trú Tại: K, xã T, huyện L, Lâm Đồng.

-Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1977.

Trú tại: số 226, QL, Thị trấn L, huyện Đ, Lâm Đồng.

-Ông Vũ Gia C, sinh năm 1993.

Trú tại: 39 L, Thị trấn L, Đ Lâm Đồng.

Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1991.

Trú tại: Tổ 1 thôn N, xã L, Đ, Lâm Đồng.

(Bà Nguyễn Thị T, ông Đinh Văn T có mặt, những người còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm ổn định, không có thu nhập và không có chỗ ở cố định, Dương Văn N thường xuyên thuê nhà nghỉ trên địa bàn Thị trấn L để ở và đi tìm tài sản trộm cắp để bán, cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Ngày 09/09/2023, Dương Văn N đi bộ trên đường T, thị trấn L, khi đến trước nhà số 09 đường T, N phát hiện thấy xe mô tô biển số 49S1-035.53 của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963, ở số 16 T, Thị trấn L, Đ, Lâm Đồng dựng sát lề đường, có cắm sẵn chìa khoá. Quan sát thấy không có người trông coi, N đi đến dắt chiếc xe máy một đoạn rồi nổ máy xe tẩu thoát. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe trên, N điều khiển xe đến xã T, huyện L. Tại đây, N gặp Lục Văn D, sinh năm

1997, N nói với D là xe của người quen bị mất giấy tờ và muốn bán thì D đồng ý mua với giá 3.000.000đ. Tiền bán xe N đã sử dụng để tiêu xài cá nhân hết. Còn D sau khi mua xe mô tô thì sử dụng làm phương tiện để đi lại, do xe bị hư nên D tháo ốp nhựa phần đầu, bửng nhựa yếm xe và thay biển số 49S1-035.53 bằng biển số 49T6-444.43.

Kết luận định giá tài sản số 140/KL-HĐĐG ngày 28/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe mô tô biển số 49S1-035.53 trị giá 6.600.000đ.

Vụ thứ hai: Ngày 30/09/2023, Dương Văn N đi bộ vào khu vực sân Trung tâm văn hoá huyện Đ – Thị trấn L, Đ, Lâm Đồng phát hiện thấy xe mô tô biển số 49N5 – 7557 của anh Đoàn Tuấn T, sinh năm 1991, trú tại xã Đ, huyện Đ đang dựng ở đây. Quan sát thấy không có người trông coi, N đi đến dắt chiếc xe máy đi làm chìa khoá. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe trên, N mang đến bán cho Lý Văn H, sinh năm 1983, ở xã T, huyện L với giá 5.000.000đ và tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 98/KL-HĐĐG ngày 18/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe mô tô biển số 49N5 – 7557 có giá trị là 5.260.000đ.

Vụ thứ ba: Ngày 04/10/2023, Dương Văn N đi bộ đến khu vực chợ đầu mối nông sản Đ phát hiện xe mô tô biển số 49E1 – 089.32 của bà Lô Kim P, sinh năm 1982, ở số 27 L, thị trấn L, huyện Đ đang để bên hông ki ốt số A21 cửa Bắc không có người trông coi nên đi bộ đến nổ máy xe rồi chạy đi. N mang chiếc xe này đến tiệm sửa xe của ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1977, ở số 226, QL, thị trấn L, huyện Đ. Tại đây, N nói với ông H là gia đình mua xe mới nên còn dư xe mô tô biển số 49E1 – 089.32 mà mất giấy tờ nên muốn bán. Ông H đồng ý mua với giá 700.000đ. Tiền bán xe N đã tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 111/KL-HĐĐG ngày 17/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe mô tô biển số 49E1 – 089.32 có giá trị 3.000.000đ.

Vụ thứ tư: Ngày 05/10/2023, Dương Văn N đi bộ đến khu vực đường hàng thông ngang, tổ 27, thị trấn L, Đ phát hiện xe mô tô biển số 49E1 – 823.52 của anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1991, ở hẻm 966, QL, thị trấn L, huyện Đ đang để bên đường không có người trông coi, chìa khoá cắm trên xe nên đi bộ đến nổ máy xe rồi chạy đi. Sau đó, N gặp Vũ Gia C, sinh năm 1993, ở số 39 đường L, thị trấn L. N nói với C là xe của N muốn cầm cố thì được C đồng ý cầm cố cho N số tiền 2.500.000đ, tiền lãi 10.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Tiền cầm cố xe N đã tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 98/KL-HĐĐG ngày 18/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Xe mô tô biển số 49E1 – 823.52 có giá trị là 10.290.000đ.

Vụ thứ năm: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 07/10/2023, Dương Văn N đi bộ tìm tài sản để trộm cắp. Khi N đi bộ đến trước nhà máy nước đá thuộc khu vực hẻm 20 đường H, thị trấn L, Đ thì thấy xe mô tô biển số 49E1 – 239.99 của anh Ngô

Quang L, sinh năm 1984, ở thị trấn L, huyện Đ không có người trông coi, chìa khoá cắm trên xe nên N đến nổ máy xe rồi chạy đi. N mang chiếc xe này đến cầm cho Vũ Gia C được 1.500.000đ và tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 98/KL-HĐĐG ngày 18/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe mô tô biển số 49E1 – 239.99 có giá trị là 5.490.000đ.

Vụ thứ sáu: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 07/10/2023, Dương Văn N đi bộ đến khu vực quán ăn BALA tại số 05 Nguyễn C Trứ, thị trấn L, Đ phát hiện xe máy mô tô biển số 49G1 – 771.16 của anh Đậu Bá T, sinh ngày 01/4/2005, ở thị trấn L, huyện Đ đang để bên hông quán không có người trông coi nên N đến dắt xe chạy đi. N mang chiếc xe này đến gặp và nói với Vũ Gia C là xe của bạn V muốn cầm cố. C đồng ý cầm số tiền 5.000.000đ, tiền lãi 10.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Tiền cầm cố xe N đã sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 98/KL-HĐĐG ngày 18/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe mô tô biển số 49G1 – 771.16 có giá trị là 36.000.000đ.

Vụ thứ bảy: Ngày 10/10/2023, Dương Văn N đi bộ đến khu vực đường T, thị trấn L, Đ phát hiện xe mô tô biển số 49E2 – 031.75 của anh Tạ Minh T, sinh năm 1990, ở thôn L, xã P, huyện Đ đang dựng trước sân số nhà 11, đường T, thị trấn L không có người trông coi, chìa khoá cắm trên xe nên N đến nổ máy xe rồi chạy đi. N mang chiếc xe này đến gặp và nói với Vũ Gia C là xe của bạn V muốn cầm cố. C đồng ý cầm số tiền 2.500.000đ, tiền lãi 10.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Tiền cầm cố N đã tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 98/KL-HĐĐG ngày 18/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe mô tô biển số 49E2 – 031.75 có giá trị là 13.230.000đ.

Vụ thứ tám: Ngày 11/10/2023, Dương Văn N phát hiện xe mô tô biển số 53S9-6791 của ông Cai Văn Đ, sinh năm 1972, ở số 12, đường L, thị trấn L, Đ đang để bên trong sân không có người trông coi, có cắm chìa khoá nên N đến nổ máy xe rồi chạy đi. N mang chiếc xe này đến tiệm phế liệu của anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1991, ở tổ 1 Nghĩa Hiệp, xã L, huyện Đ. Tại đây, N nói với anh Mười là xe bị hư máy không chạy được nên muốn bán lấy tiền về quê thì được anh Mười đồng ý mua với giá 700.000đ. Số tiền bán xe N đã sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 98/KL-HĐĐG ngày 18/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe mô tô biển số 53S9-6791 có giá trị là 1.000.000đ.

Vụ thứ chín: Ngày 12/10/2023, Dương Văn N phát hiện xe mô tô biển số 85H1 – 122.20 của anh M, sinh năm 2003, ở Đ, Bình Thuận đang trước sân nhà số 27 đường T, thị trấn L, Đ không có người trông coi, chìa khoá cắm trên xe nên N đến nổ máy xe rồi chạy đi. N mang chiếc xe này đến gặp và nói với Vũ Gia C là xe của bạn V muốn cầm cố. C đồng ý cầm số tiền 1.500.000đ, tiền lãi 10.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Số tiền cầm cố xe N đã tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 111/KL-HĐĐG ngày 17/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe mô tô biển số 85H1 – 122.20 trị giá 12.600.000đ.

Ngoài thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Dương Văn N còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Đinh Văn T, cụ thể:

Dương Văn N và Đinh Văn T - sinh năm 1990 làm chung với nhau ở tiệm cơ khí Phi Hùng tại Thị trấn L, Đ, Lâm Đồng. Vào khoảng tháng 6/2023, N không làm việc ở xưởng cơ khí nữa nhưng cả hai vẫn giữ liên lạc. Do muốn chiếm đoạt xe mô tô của T mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân nên vào sáng ngày 24/9/2023, N nhắn tin cho T với nội dung là có khách liên hệ làm mái vòm sắt và hẹn T chiều cùng đi xem. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T và N đi uống cà phê tại khu vực cây số 2 thuộc xã L, Đ. Sau đó, N nói dối với T là khách làm mái vòm bị hỏng xe không đến quán cà phê được nên N nói T đưa xe mô tô cho N đi đón khách. Sau khi được T giao xe mô tô mô tô biển số 49E1-595.32 thì N không đi đón khách làm mái vòm mà điều khiển xe đi đến xã T, Lâm Hà. Tại đây, N gặp Lý Văn H và nói với H là xe thanh lý cần bán thì H đồng ý mua với giá 3.000.000đ. Tiền bán xe N đã tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 117/KL-HĐĐG ngày 29/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe mô tô biển số 49E1-595.32 trị giá 8.450.000đ.

Tình tiết tăng nặng: bị can phạm tội 02 lần trở lên.

Tình tiết giảm nhẹ: Qúa trình điều tra bị can đã thành khẩn khai báo.

Vật chứng vụ án: Qúa trình điều tra, Cơ quan điều tra tạm giữ và trả lại xe mô tô Hon da Wave và ốp nhựa phần đầu và bửng nhựa yếm xe cho bà Nguyễn Thị T, xe mô tô biển số 49N5-7557 cho Đoàn Tuấn T, xe mô tô biển số 49E1-089.32 cho bà Lô Kim P, xe mô tô biển số 49E1-823.52 cho anh Nguyễn Thanh B, xe mô tô biển số 49E1-239.99 cho anh Ngô Quang L, xe mô tô biển số 49G1-771.16 cho anh Đậu Bá T, xe mô tô biển số 49E2.031.75 cho anh Tạ Minh T, xe mô tô biển số 53S9-6791 cho ông Cai Văn Đ, xe mô tô biển số 85H1-122.20 cho anh M, xe mô tô biển số 49E1-595.32 cho ông Đinh Văn T.

Đối với xe mô tô biển số 77G1-065.31; xe mô tô biển số 49AD-063.47; xe mô tô biển số 49S4-8167; xe mô tô biển số 49E1-395.00; xe mô tô biển số 36B2-245.67, Cơ quan điều tra xác định đây không pH là tang vật liên quan đến vụ án, vì vậy đã trả lại cho các chủ sở hữu.

Đối với xe mô tô biển số 75K1-5120, xe mô tô biển số 49E1-114.61, xe mô tô biển số 49T6-1736, xe mô tô biển số 94E1-142.86, xe mô tô biển số 49P6-8023, xe mô tô biển số 68D1-039.30, quá trình điều tra Cơ quan điều tra chưa làm việc được với chủ sở hữu, vì vậy Cơ quan điều tra C an huyện Đ đã tách ra để xác minh và xử lý sau.

Trách nhiệm dân sự: bà Nguyễn Thị T, ông Đoàn Tuấn T, bà Lô Kim P, anh Nguyễn Thanh B, anh Ngô Quang L, anh Đậu Bá T, anh Tạ Minh T, cho ông Cai Văn Đ, anh M, ông Đinh Văn T đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 67/CT - VKS ngày 01 tháng 04 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Đ để xét xử bị cáo Dương Văn N về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội " Lừa đảo chiếm đoạt" theo khoản 1 điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ thực hành quyền C tố vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo Dương Văn N về tội "*Trộm cắp tài sản*", đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 điều 174 Bộ luật hình sự , điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự . Đề nghị xử phạt bị cáo Đương Văn N từ 03-04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" và từ 09-12 tháng tù về tội tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" .

Ý kiến của bị cáo: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hoạt động điều tra, truy tố của điều tra viên, kiểm sát viên thì thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không ai có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng. Như vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Dương Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Do bản thân không có C ăn việc làm ổn định, thiếu tiền tiêu xài nên bản thân nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản là xe mô tô của người khác mang đi bán hoặc cầm cố để lấy tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau: Từ ngày 09/9/2023 đến ngày 12/10/2023, Dương Văn N đã 09 lần thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 09 xe mô tô trên địa bàn tại Thị trấn L, huyện Đ, Lâm Đồng, Tổng giá trị tài sản bị cáo N chiếm đoạt 93.470.000đ.

Vào ngày 24/9/2023, vì thiếu tiền tiêu xài nên Dương Văn N đã nảy sinh ý định mượn xe của Đinh Văn T để đi cầm cố. Thực hiện ý định đó, N đã nói T cho mượn xe mô tô biển số 49E1-595.32 để đi chở khách làm mái vòm. Tuy nhiên, sau khi mượn được xe N không đi C việc mà đem xe đi bán lấy tiền tiêu xài. Giá trị tài sản N chiếm đoạt là 8.450.000đ.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Dương Văn N đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*" tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội, hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà con làm ảnh hưởng đến trật tự, trị an, an toàn xã hội, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân.

[4] Xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hành vi trộm cắp tài sản 09 lần của bị cáo đã được áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm b khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự là phạm tội có tính chất chuyện nghiệp nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Vật chứng vụ án: Qúa trình điều tra, Cơ quan điều tra tạm giữ và trả lại xe mô tô Hon da Wave và ốp nhựa phần đầu và bửng nhựa yếm xe cho bà Nguyễn Thị T, xe mô tô biển số 49N5-7557 cho Đoàn Tuấn T, xe mô tô biển số 49E1-089.32 cho bà Lô Kim P, xe mô tô biển số 49E1-823.52 cho anh Nguyễn Thanh B, xe mô tô biển số 49E1-239.99 cho anh Ngô Quang L, xe mô tô biển số 49G1-771.16 cho anh Đậu Bá T, xe mô tô biển số 49E2.031.75 cho anh Tạ Minh T, xe mô tô biển số 53S9-6791 cho ông Cai Văn Đ, xe mô tô biển số 85H1-122.20 cho anh M, xe mô tô biển số 49E1-595.32 cho ông Đinh Văn T.

Đối với xe mô tô biển số 77G1-065.31; xe mô tô biển số 49AD-063.47; xe mô tô biển số 49S4-8167; xe mô tô biển số 49E1-395.00; xe mô tô biển số 36B2-245.67, Cơ quan điều tra xác định đây không pH là tang vật liên quan đến vụ án, vì vậy đã trả lại cho các chủ sở hữu.

Đối với Lục Văn D, Lý Văn H, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Văn M là những người mua xe mô tô của Dương Văn N, do những người này không biết xe mô tô do phạm tội mà có nên không đề cập đến.

Đối với Vũ Gia C đã thực hiện hành vi cầm cố xe mô tô của Dương Văn N, do C không biết tài sản N cầm cố là do phạm tội mà có nên không đề cập đến. Đối với lãi suất mà C cho vay tiền có cầm cố tài sản, do số tiền C thu lợi bất chính dưới 30.000.000đ và C chưa có tiền án, tiền sự về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên không đề cập đến.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trách nhiệm dân sự: bà Nguyễn Thị T, ông Đoàn Tuấn T, bà Lô Kim P, anh Nguyễn Thanh B, anh Ngô Quang L, anh Đậu Bá T, anh Tạ Minh T, ông Cai Văn Đ, anh M, ông Đinh Văn T đã nhận lại tài sản và những người mua xe của bị cáo trộm cắp không yêu cầu gì thêm nên không xem xét. Riêng Ông Nguyễn Văn M yêu cầu bồi thường 700.000 đồng tiền mua xe. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường nên cần C nhận.

[6] Từ những phân tích nhận định trên nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để cải tạo giáo dục và phòng ngừa chung

[7] Về án phí: Buộc bị cáo pH chịu án 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và miễn án phí dân sự sơ thẩm .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Dương Văn N phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" và tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 173; khoản 1 điều 174, điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự .

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn N 03(năm) tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", 01 (một) năm tù. Về tội " *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"

Căn cứ điều 55 BLHS buộc bị cáo chấp hành chung cho cả hai tội là 04(bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Dương Văn N bồi thường cho ông Ông Nguyễn Văn M số tiền 700.000 đồng (bảy trăm ngàn)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án(đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên pH thi hành án còn pH trả khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo pH nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Đ;
- C an huyện Đ;
- Sở tư pháp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Lưu HS,AV.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Long

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Do không có việc làm ổn định, không có thu nhập và không có chỗ ở cố định, Dương Văn N thường xuyên thuê nhà nghỉ trên địa bàn Thị trấn L để ở và đi tìm tài sản trộm cắp để bán, cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Ngày 09/09/2023, Dương Văn N đi bộ trên đường T, thị trấn L, khi đến trước nhà số 09 đường T, N phát hiện thấy xe mô tô biển số 49S1-035.53 của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963, ở số 16 T, Thị trấn L, Đ, Lâm Đồng dựng sát lề đường, có cắm sẵn chìa khoá. Quan sát thấy không có người trông coi, N đi đến

dắt chiếc xe máy một đoạn rồi nổ máy xe tẩu thoát. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe trên, N điều khiển xe đến xã T, huyện L. Tại đây, N gặp Lục Văn D, sinh năm 1997, N nói với D là xe của người quen bị mất giấy tờ và muốn bán thì D đồng ý mua với giá 3.000.000đ. Tiền bán xe N đã sử dụng để tiêu xài cá nhân hết. Còn D sau khi mua xe mô tô thì sử dụng làm phương tiện để đi lại, do xe bị hư nên D tháo ốp nhựa phần đầu, bửng nhựa yếm xe và thay biển số 49S1-035.53 bằng biển số 49T6-444.43.

Kết luận định giá tài sản số 140/KL-HĐĐG ngày 28/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe mô tô biển số 49S1-035.53 trị giá 6.600.000đ.

Vụ thứ hai: Ngày 30/09/2023, Dương Văn N đi bộ vào khu vực sân Trung tâm văn hoá huyện Đ – Thị trấn L, Đ, Lâm Đồng phát hiện thấy xe mô tô biển số 49N5 – 7557 của anh Đoàn Tuấn T, sinh năm 1991, trú tại xã Đ, huyện Đ đang dựng ở đây. Quan sát thấy không có người trông coi, N đi đến dắt chiếc xe máy đi làm chìa khoá. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe trên, N mang đến bán cho Lý Văn H, sinh năm 1983, ở xã T, huyện L với giá 5.000.000đ và tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 98/KL-HĐĐG ngày 18/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe mô tô biển số 49N5 – 7557 có giá trị là 5.260.000đ.

Vụ thứ ba: Ngày 04/10/2023, Dương Văn N đi bộ đến khu vực chợ đầu mối nông sản Đ phát hiện xe mô tô biển số 49E1 – 089.32 của bà Lô Kim P, sinh năm 1982, ở số 27 L, thị trấn L, huyện Đ đang để bên hông ki ốt số A21 cửa Bắc không có người trông coi nên đi bộ đến nổ máy xe rồi chạy đi. N mang chiếc xe này đến tiệm sửa xe của ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1977, ở số 226, QL, thị trấn L, huyện Đ. Tại đây, N nói với ông H là gia đình mua xe mới nên còn dư xe mô tô biển số 49E1 – 089.32 mà mất giấy tờ nên muốn bán. Ông H đồng ý mua với giá 700.000đ. Tiền bán xe N đã tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 111/KL-HĐĐG ngày 17/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe mô tô biển số 49E1 – 089.32 có giá trị 3.000.000đ.

Vụ thứ tư: Ngày 05/10/2023, Dương Văn N đi bộ đến khu vực đường hàng thông ngang, tổ 27, thị trấn L, Đ phát hiện xe mô tô biển số 49E1 – 823.52 của anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1991, ở hẻm 966, QL, thị trấn L, huyện Đ đang để bên đường không có người trông coi, chìa khoá cắm trên xe nên đi bộ đến nổ máy xe rồi chạy đi. Sau đó, N gặp Vũ Gia C, sinh năm 1993, ở số 39 đường L, thị trấn L. N nói với C là xe của N muốn cầm cố thì được C đồng ý cầm cố cho N số tiền 2.500.000đ, tiền lãi 10.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Tiền cầm cố xe N đã tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 98/KL-HĐĐG ngày 18/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Xe mô tô biển số 49E1 – 823.52 có giá trị là 10.290.000đ.

Vụ thứ năm: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 07/10/2023, Dương Văn N đi bộ tìm tài sản để trộm cắp. Khi N đi bộ đến trước nhà máy nước đá thuộc khu vực hẻm 20 đường H, thị trấn L, Đ thì thấy xe mô tô biển số 49E1 – 239.99 của anh Ngô Quang L, sinh năm 1984, ở thị trấn L, huyện Đ không có người trông coi, chìa khoá

cắm trên xe nên N đến nổ máy xe rồi chạy đi. N mang chiếc xe này đến cầm cho Vũ Gia C được 1.500.000đ và tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 98/KL-HĐĐG ngày 18/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe mô tô biển số 49E1 – 239.99 có giá trị là 5.490.000đ.

Vụ thứ sáu: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 07/10/2023, Dương Văn N đi bộ đến khu vực quán ăn BALA tại số 05 Nguyễn C Trứ, thị trấn L, Đ phát hiện xe máy mô tô biển số 49G1 – 771.16 của anh Đậu Bá T, sinh ngày 01/4/2005, ở thị trấn L, huyện Đ đang để bên hông quán không có người trông coi nên N đến dắt xe chạy đi. N mang chiếc xe này đến gặp và nói với Vũ Gia C là xe của bạn V muốn cầm cố. C đồng ý cầm số tiền 5.000.000đ, tiền lãi 10.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Tiền cầm cố xe N đã sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 98/KL-HĐĐG ngày 18/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe mô tô biển số 49G1 – 771.16 có giá trị là 36.000.000đ.

Vụ thứ bảy: Ngày 10/10/2023, Dương Văn N đi bộ đến khu vực đường T, thị trấn L, Đ phát hiện xe mô tô biển số 49E2 – 031.75 của anh Tạ Minh T, sinh năm 1990, ở thôn L, xã P, huyện Đ đang dựng trước sân số nhà 11, đường T, thị trấn L không có người trông coi, chìa khoá cắm trên xe nên N đến nổ máy xe rồi chạy đi. N mang chiếc xe này đến gặp và nói với Vũ Gia C là xe của bạn V muốn cầm cố. C đồng ý cầm số tiền 2.500.000đ, tiền lãi 10.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Tiền cầm cố N đã tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 98/KL-HĐĐG ngày 18/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe mô tô biển số 49E2 – 031.75 có giá trị là 13.230.000đ.

Vụ thứ tám: Ngày 11/10/2023, Dương Văn N phát hiện xe mô tô biển số 53S9-6791 của ông Cai Văn Đ, sinh năm 1972, ở số 12, đường L, thị trấn L, Đ đang để bên trong sân không có người trông coi, có cắm chìa khoá nên N đến nổ máy xe rồi chạy đi. N mang chiếc xe này đến tiệm phế liệu của anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1991, ở tổ 1 Nghĩa Hiệp, xã L, huyện Đ. Tại đây, N nói với anh Mười là xe bị hư máy không chạy được nên muốn bán lấy tiền về quê thì được anh Mười đồng ý mua với giá 700.000đ. Số tiền bán xe N đã sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 98/KL-HĐĐG ngày 18/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe mô tô biển số 53S9-6791 có giá trị là 1.000.000đ.

Vụ thứ chín: Ngày 12/10/2023, Dương Văn N phát hiện xe mô tô biển số 85H1 – 122.20 của anh M, sinh năm 2003, ở Đ, Bình Thuận đang trước sân nhà số 27 đường T, thị trấn L, Đ không có người trông coi, chìa khoá cắm trên xe nên N đến nổ máy xe rồi chạy đi. N mang chiếc xe này đến gặp và nói với Vũ Gia C là xe của bạn V muốn cầm cố. C đồng ý cầm số tiền 1.500.000đ, tiền lãi 10.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Số tiền cầm cố xe N đã tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 111/KL-HĐĐG ngày 17/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe mô tô biển số 85H1 – 122.20 trị giá 12.600.000đ.

(Bút lục: 81-84; 96-99; 109-111; 117-119; 122-123; 133-134; 226- 241; 307 – 319).

Ngoài thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Dương Văn N còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Đinh Văn T, cụ thể:

Dương Văn N và Đinh Văn T - sinh năm 1990 làm chung với nhau ở tiệm cơ khí Phi Hùng tại Thị trấn L, Đ, Lâm Đồng. Vào khoảng tháng 6/2023, N không làm việc ở xưởng cơ khí nữa nhưng cả hai vẫn giữ liên lạc. Do muốn chiếm đoạt xe mô tô của T mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân nên vào sáng ngày 24/9/2023, N nhắn tin cho T với nội dung là có khách liên hệ làm mái vòm sắt và hẹn T chiều cùng đi xem. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T và N đi uống cà phê tại khu vực cây số 2 thuộc xã L, Đ. Sau đó, N nói dối với T là khách làm mái vòm bị hỏng xe không đến quán cà phê được nên N nói T đưa xe mô tô cho N đi đón khách. Sau khi được T giao xe mô tô mô tô biển số 49E1-595.32 thì N không đi đón khách làm mái vòm mà điều khiển xe đi đến xã T, Lâm Hà. Tại đây, N gặp Lý Văn H và nói với H là xe thanh lý cần bán thì H đồng ý mua với giá 3.000.000đ. Tiền bán xe N đã tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 117/KL-HĐĐG ngày 29/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: xe mô tô biển số 49E1-595.32 trị giá 8.450.000đ.

Tình tiết tăng nặng: bị can phạm tội 02 lần trở lên.

Tình tiết giảm nhẹ: Qúa trình điều tra bị can đã thành khẩn khai báo.

Vật chứng vụ án: Qúa trình điều tra, Cơ quan điều tra tạm giữ và trả lại xe mô tô Hon da Wave và ốp nhựa phần đầu và bửng nhựa yếm xe cho bà Nguyễn Thị T, xe mô tô biển số 49N5-7557 cho Đoàn Tuấn T, xe mô tô biển số 49E1-089.32 cho bà Lô Kim P, xe mô tô biển số 49E1-823.52 cho anh Nguyễn Thanh B, xe mô tô biển số 49E1-239.99 cho anh Ngô Quang L, xe mô tô biển số 49G1-771.16 cho anh Đậu Bá T, xe mô tô biển số 49E2.031.75 cho anh Tạ Minh T, xe mô tô biển số 53S9-6791 cho ông Cai Văn Đ, xe mô tô biển số 85H1-122.20 cho anh M, xe mô tô biển số 49E1-595.32 cho ông Đinh Văn T.

Đối với xe mô tô biển số 77G1-065.31; xe mô tô biển số 49AD-063.47; xe mô tô biển số 49S4-8167; xe mô tô biển số 49E1-395.00; xe mô tô biển số 36B2-245.67, Cơ quan điều tra xác định đây không pH là tang vật liên quan đến vụ án, vì vậy đã trả lại cho các chủ sở hữu.

Đối với xe mô tô biển số 75K1-5120, xe mô tô biển số 49E1-114.61, xe mô tô biển số 49T6-1736, xe mô tô biển số 94E1-142.86, xe mô tô biển số 49P6-8023, xe mô tô biển số 68D1-039.30, quá trình điều tra Cơ quan điều tra chưa làm việc được với chủ sở hữu, vì vậy Cơ quan điều tra C an huyện Đ đã tách ra để xác minh và xử lý sau.

Trách nhiệm dân sự: bà Nguyễn Thị T, ông Đoàn Tuấn T, bà Lô Kim P, anh Nguyễn Thanh B, anh Ngô Quang L, anh Đậu Bá T, anh Tạ Minh T, cho ông Cai Văn Đ, anh M, ông Đinh Văn T đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu gì thêm.

Căn cứ vào các tình tiết nêu trên,

KẾT LUẬN

Từ ngày 09/9/2023 đến ngày 12/10/2023, Dương Văn N đã 09 lần thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 09 xe mô tô trên địa bàn tại Thị trấn L, huyện Đ, Lâm Đồng, tổng tài sản trị giá 93.470.000đ.

Bên cạnh đó, vào ngày 24/9/2023, vì thiếu tiền tiêu xài nên Dương Văn N đã nảy sinh ý định mượn xe của Đinh Văn T để đi cầm cố. Thực hiện ý định đó, N đã nói T cho mượn xe mô tô biển số 49E1-595.32 để đi chở khách làm mái vòm. Tuy nhiên, sau khi mượn được xe N không đi C việc mà đem xe đi bán lấy tiền tiêu xài. Giá trị tài sản N chiếm đoạt là 8.450.000đ. Hành vi của Dương Văn N đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội. Vì vậy, Dương Văn N pH chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình.

Như vậy có đủ căn cứ để xác định bị sau đây đã phạm tội như sau:

Họ và tên: **Dương Văn N**, sinh ngày 25/10/1994, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: ấp L, xã L, Huyện H, Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Con ông: Dương Văn L, sinh năm 1969, con bà Lê Thị H, sinh năm 1974, hiện cả hai ở ấp L, xã L, Huyện H, Đồng Tháp. Anh, chị, em ruột: có 01 người, sinh năm 2008, bị can là con cả trong gia đình. Vợ: Đỗ Thị C, sinh năm 1989, hiện ở Tân Thanh, Lâm Hà, Lâm Đồng; Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị can bị bắt tạm giữ từ ngày 13/10/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ C an huyện Đ.

Hành vi của Dương Văn N đã phạm vào Tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

b) Có tính chất chuyên nghiệp

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

Điều 174: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị can.

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị can.

Đối với Lục Văn D, Lý Văn H, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Văn M là những người mua xe mô tô của Dương Văn N, do những người này không biết xe mô tô do phạm tội mà có nên không đề cập đến.

Đối với Vũ Gia C đã thực hiện hành vi cầm cố xe mô tô của Dương Văn N, do C không biết tài sản N cầm cố là do phạm tội mà có nên không đề cập đến. Đối với lãi suất mà C cho vay tiền có cầm cố tài sản, do số tiền C thu lợi bất chính dưới 30.000.000đ và C chưa có tiền án, tiền sự về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên không đề cập đến.

QUYẾT ĐỊNH

1. Truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Đ để xét xử bị can Dương Văn N về Tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điêu 174 Bộ luật hình sự.

2. Kèm theo Cáo trạng có:

- Hồ sơ vụ án gồm có: 01 tập, bằng…….tờ; đánh số thứ tự từ 01 đến ……..
- Danh sách những người VKS đề nghị Tòa án triệu tập đến phiên tòa.

Nơi nhận:
- Tòa án ND H.Đ (để XX);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (để B/c);
- Đ/c VT. Viện KSND huyện (để B/c);
- CQĐT CA huyện Đ;
- Bị can (tống đạt);
- Lưu: HSVA, HSKS.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Tạ Văn Sơn

Báo án
Vụ Dương Văn N " Trộm cắp, Lừa đảo"

Họ và tên: **Dương Văn N**, sinh ngày 25/10/1994, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: ấp L, xã L, Huyện H, Đồng Tháp; Tiền án, tiền sự: không.

Bị can bị bắt tạm giữ từ ngày 13/10/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ C an huyện Đ.

Nội dung:

Từ ngày 09/9/2023 đến ngày 12/10/2023, Dương Văn N đã 09 lần thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 09 xe mô tô trên địa bàn tại Thị trấn L, huyện Đ, Lâm Đồng, tổng tài sản trị giá 93.470.000đ.

Ngoài ra, vào ngày 24/9/2023, vì thiếu tiền tiêu xài nên Dương Văn N đã nảy sinh ý định mượn xe của Đinh Văn T để đi cầm cố. Thực hiện ý định đó, N đã nói T cho mượn xe mô tô biển số 49E1-595.32 để đi chở khách làm mái vòm. Tuy nhiên, sau khi mượn được xe N không đi C việc mà đem xe đi bán lấy tiền tiêu xài. Giá trị tài sản N chiếm đoạt là 8.450.000đ. Hành vi của Dương Văn N đã cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đề xuất:

Tuyên bố bị cáo Dương Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản" và phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 173; khoản 1 điều 174, điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn N tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", và tháng tù. Về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Căn cứ điều 55 BLHS buộc bị cáo chấp hành chung cho cả hai tội là tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2023.